

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
HÀNG KHÔNG TASECO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 182/2018/CV-AST

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2018

V/v: Giải trình biến động KQKD năm
2017 trên BCTC Hợp nhất

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Khoản 4.a Điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Trên cơ sở Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017, Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (mã chứng khoán: AST - HoSE) xin giải trình biến động doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017		Tỷ lệ %
		2017	2016	2017/2016
1	Doanh thu thuần	659.026.353.204	316.889.542.561	208%
2	Lợi nhuận sau thuế	148.138.874.160	43.644.209.093	339%

* *Giải trình biến động:*

Doanh thu hợp nhất năm 2017 tăng 108% và Lợi nhuận sau thuế tăng 239% so với năm 2016 là do:

- Năm 2017, AST thực hiện hợp nhất kết quả kinh doanh của các công ty con từ ngày 1/1/2017. Trong khi đó năm 2016, AST chỉ ghi nhận việc hợp nhất kết quả kinh doanh trên báo cáo tài chính của Công ty CP Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng từ 1/4/2016 (9 tháng), hợp nhất kết quả kinh doanh Công ty CP Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn và kết quả kinh doanh Công ty TNHH MTV Taseco Oceanview Đà Nẵng từ 1/10/2016 (3 tháng).
- Trong năm 2017, Công ty đã tập trung đẩy mạnh công tác tiếp thị, bán hàng và tìm thêm các thị trường mới cho khách sạn À La Carte Đà Nẵng, cùng với việc tập trung quản trị chi phí, nâng cao chất lượng dịch vụ, từ đó góp phần tăng hiệu quả đáng kể hoạt động kinh doanh của khách sạn À La Carte Đà Nẵng. Ngoài ra, Công ty đã mở rộng quy mô tăng thêm 18 địa điểm kinh doanh tại

các cảng hàng không Nội Bài, Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn, Phú Quốc. Các điểm kinh doanh mới đã đi vào hoạt động ổn định, hiệu quả, góp phần tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận trong năm 2017 cho AST.

- Công ty kiểm soát tốt các chi phí đầu vào, tiết kiệm chi phí hoạt động, đưa ra các chính sách khen thưởng kịp thời, điều này cũng góp phần thúc đẩy tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco về biến động doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh trình bày tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017.

Công ty xin báo cáo để Quý Ủy ban và Quý Sở được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP

CÔNG TY CP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TASECO

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ ANH QUỐC



Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không
Taseco Nội Bài]

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 51

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017, Công ty đã được phê duyệt đổi tên từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco.

Theo Công văn số 6411/UBCK-GSĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng. Ngày 26 tháng 12 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Quyết định Niêm yết số 485/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AST.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không bao gồm:

- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Anh Quốc	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Lars Kjaer	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2017
Ông Đào Tiến Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Vũ Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
		Miễn nhiệm ngày 7 tháng 11 năm 2017
Bà Trần Thị Loan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Loan	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2017
Ông Phạm Đức Long	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
		Miễn nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2017
Ông Phạm Quang Viên	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Đặng Kim Ngân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2017
Bà Trần Thị Liên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Lê Thị Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Anh Quốc	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2017
Ông Phạm Đức Long	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Anh Quốc, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61311118/19608173-Audit 311217-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 15 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Công Khanh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3483-2015-004-1

Phùng Mạnh Phú
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2598-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		267.245.776.378	189.314.816.770
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	177.776.713.412	41.414.286.153
111	1. Tiền		32.922.424.790	41.414.286.153
112	2. Các khoản tương đương tiền		144.854.288.622	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		29.133.323.141	124.666.682.266
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	6.724.427.622	4.628.021.648
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	3.181.416.438	29.137.873.011
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	19.227.479.081	90.900.787.607
140	III. Hàng tồn kho	8	40.270.817.138	20.929.083.181
141	1. Hàng tồn kho		40.270.817.138	20.929.083.181
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		20.064.922.687	2.304.765.170
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	15.140.286.653	2.167.946.501
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	14	4.888.915.981	77.472.622
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		35.720.053	59.346.047
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		359.220.309.334	178.689.907.363
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		158.758.579.503	75.376.139.740
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	158.758.579.503	75.376.139.740
220	II. Tài sản cố định		134.368.961.053	97.194.642.180
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	125.925.021.910	88.785.197.675
222	Nguyên giá		156.145.277.658	103.437.151.557
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(30.220.255.748)	(14.651.953.882)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	8.443.939.143	8.409.444.505
228	Nguyên giá		8.806.816.588	8.606.816.588
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(362.877.445)	(197.372.083)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		30.000.000	751.601.271
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		30.000.000	751.601.271
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	57.206.875.250	-
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		55.906.875.250	-
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.300.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		8.855.893.528	5.367.524.172
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	8.855.893.528	5.365.024.172
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	2.500.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		626.466.085.712	368.004.724.133

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		157.149.971.179	166.262.176.138
310	I. Nợ ngắn hạn		136.120.071.179	131.432.976.138
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	43.343.575.437	21.571.129.302
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	12.072.215.038	2.733.676.735
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	8.672.954.446	8.597.367.178
314	4. Phải trả người lao động		27.629.244.501	15.477.394.655
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.829.932.191	1.772.895.893
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	3.754.659.287
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	2.826.684.093	43.668.727.390
320	8. Vay ngắn hạn	17	39.744.526.528	32.988.186.753
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		938.945	868.938.945
330	II. Nợ dài hạn		21.029.900.000	34.829.200.000
337	1. Phải trả dài hạn khác		375.000.000	375.000.000
338	2. Vay dài hạn	17	20.654.900.000	34.454.200.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		469.316.114.533	201.742.547.995
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	469.316.114.533	201.742.547.995
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		360.000.000.000	160.480.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		360.000.000.000	160.480.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		105.249.026.027	41.438.712.534
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		200.485.490	98.944.279
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		105.048.540.537	41.339.768.255
429	3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	19	4.067.088.506	(176.164.539)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		626.466.085.712	368.004.724.133

Phạm Trí Hoàng
Người lập

Đào Ngọc Thiết
Kế toán trưởng



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	659.026.353.204	316.889.542.561
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	659.026.353.204	316.889.542.561
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(310.900.524.719)	(148.447.292.324)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		348.125.828.485	168.442.250.237
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	37.327.377.261	4.173.875.634
22 23	7. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	22	(6.282.004.438) (5.845.444.988)	(2.539.385.217) (2.521.436.580)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	12	(11.161.732.232)	-
25	9. Chi phí bán hàng	23	(126.655.124.610)	(77.998.473.679)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(63.722.057.878)	(39.050.991.156)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		177.632.286.588	53.027.275.819
31	12. Thu nhập khác	24	3.134.320.563	2.362.917.486
32	13. Chi phí khác	24	(250.349.773)	(508.583.190)
40	14. Lợi nhuận khác	24	2.883.970.790	1.854.334.296
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		180.516.257.378	54.881.610.115
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	(32.377.383.218)	(11.237.401.022)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	18.1	148.138.874.160	43.644.209.093
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	18.1	147.350.096.179	43.846.210.025
62	19. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	19	788.777.981	(202.000.932)
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	5.615	5.870
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	28	5.615	5.870

Phạm Trí Hoàng
Người lập

Đào Ngọc Thiết
Kế toán trưởng



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		180.516.257.378	54.881.610.115
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	10, 11	16.482.116.486	7.249.117.720
04	Lỗi/(lỗi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		36.522.472	(2.357.701)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(26.422.506.018)	(3.852.935.731)
06	Chi phí lãi vay	22	5.845.444.988	2.521.436.580
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		176.457.835.306	60.796.870.983
09	Giảm các khoản phải thu		17.858.824.053	14.907.265.716
10	Tăng hàng tồn kho		(19.341.733.957)	(8.035.080.960)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(6.209.973.980)	14.132.115.377
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(16.383.159.247)	3.153.609.475
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.847.542.032)	(2.458.980.471)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(31.593.923.765)	(7.751.000.000)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.185.027.043)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		112.755.299.335	74.744.800.120
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(54.965.597.017)	(8.770.326.368)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.227.272.726	600.559.594
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(96.300.000.000)	(81.049.352.991)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		98.641.713.251	20.188.507.014
25	Tiền (chi)/thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(60.353.902.436)	15.604.794.713
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, lợi nhuận được chia		18.705.987.127	2.220.638.883
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(93.044.526.349)	(51.205.179.155)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		204.020.000.000	2.776.098.900
33	Tiền thu từ đi vay		154.564.022.440	83.964.847.645
34	Tiền trả nợ gốc vay		(161.606.982.665)	(69.699.878.682)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(80.274.760.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		116.702.279.775	17.041.067.863
50	Tăng tiền thuần trong năm		136.413.052.761	40.580.688.828
60	Tiền đầu năm		41.414.286.153	836.087.367
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(50.625.502)	(2.490.042)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	177.776.713.412	41.414.286.153


Phạm Trí Hoàng
Người lập


Đào Ngọc Thiết
Kế toán trưởng



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017, Công ty đã được phê duyệt đổi tên từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco.

Theo Công văn số 6411/UBCK-GSĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng. Ngày 26 tháng 12 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Quyết định Niêm yết số 485/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AST.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm:

- ▶ hoạt động vận tải hàng không;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 1.117 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 668).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 4 công ty con, bao gồm:

STT	Tên công ty	Lý lẽ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Địa chỉ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng ("Taseco Đà Nẵng")	99,9%	99,9%	Số 99 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, dịch vụ vận tải hành khách và các dịch vụ liên quan.
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn ("Taseco Sài Gòn") (*)	65%	65%	Số 28/1/21 Huỳnh Lan Khanh, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ; dịch vụ bán hàng và các sản phẩm lưu niệm; dịch vụ đón tiễn; đại lý du lịch và điều hành tua du lịch; đại lý thu đổi ngoại tệ; dịch vụ quảng cáo.
3	Công ty TNHH Một thành viên Taseco Oceanview Đà Nẵng ("Taseco Oceanview Đà Nẵng")	100%	100%	Số 200 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	Quản lý khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống, vận tải hành khách đường bộ và các dịch vụ liên quan và các hoạt động khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 4 công ty con, bao gồm (tiếp theo):

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Trụ sở chính	Hoạt động chính
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco ("Taseco Media") (**)	99,9%	99,9%	Tầng 1 tòa N02-T1 khu Đoàn Ngoại Giao, phố Đỗ Nhuận - Phường Xuân Tảo - Quận Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Dịch vụ quảng cáo, viễn thông, khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống.

(*) Trong năm, Công ty đã nhận chuyển nhượng 100.000 cổ phần của Taseco Sài Gòn trị giá 1 tỷ VND từ cổ đông của Taseco Sài Gòn và nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Taseco Sài Gòn lên 65% (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 55%).

(**) Trong năm, Công ty đã nhận chuyển nhượng 99,9% cổ phần của Công ty Taseco Media từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Thăng Long ("Công ty Taseco Thăng Long"), công ty mẹ của Công ty. Theo đó, Công ty Taseco Media đã trở thành công ty con của Công ty.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Đối với hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ, Tập đoàn áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ với giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Đối với hàng tồn kho khác, Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 6 năm
Phần mềm	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

(*) Một số nhà cửa, vật kiến trúc nhận góp vốn từ công ty mẹ được ghi nhận và trích khấu hao theo thời gian khấu hao còn lại từ 1 đến 5 năm.

Quyền sử dụng đất không thời hạn không khấu hao.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 1 đến 3 năm hoặc theo thời hạn thuê vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Công cụ và dụng cụ;
- ▶ Chi phí sửa chữa; và
- ▶ Các chi phí khác.

3.10 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế do một bên kiểm soát:

Nếu Tập đoàn kiểm soát BCC, Tập đoàn sẽ hạch toán toàn bộ doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, đồng thời ghi nhận toàn bộ lợi nhuận sau thuế của BCC vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi nhuận sau thuế chia cho bên không kiểm soát sẽ được giảm trừ vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Nếu Tập đoàn không kiểm soát BCC, Tập đoàn ghi nhận phần lợi nhuận mà Tập đoàn được chia từ BCC trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã được thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Không có lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh các kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh; và
- ▶ Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh đã trả và giá trị tài sản thuần của "Công ty bị mua" được ghi nhận vào "Vốn khác của chủ sở hữu" trong vốn chủ sở hữu.

3.12 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.17 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý.

Các hoạt động kinh doanh được tổ chức và quản lý riêng biệt theo bản chất sản phẩm và dịch vụ cung cấp, và bao gồm hai bộ phận kinh doanh sau:

- ▶ Hoạt động bán hàng và cung cấp các dịch vụ trong cảng hàng không; và
- ▶ Kinh doanh dịch vụ khách sạn và các dịch vụ liên quan khác.

Tập đoàn trình bày thông tin theo bộ phận tại Thuyết minh số 29.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY DƯỚI SỰ KIỂM SOÁT CHUNG

Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco ("Taseco Media")

Theo Nghị quyết số 06B/2017/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 6 năm 2017 và hợp đồng chuyển nhượng ngày 29 tháng 8 năm 2017, Công ty đã nhận chuyển nhượng 99,9% cổ phần của Công ty Taseco Media từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Thăng Long ("Công ty Taseco Thăng Long"), công ty mẹ của Công ty, với tổng giá chuyển nhượng là 444.427.614 VND. Theo đó, Công ty Taseco Media trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Công ty Taseco Media là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106879359, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 16 tháng 6 năm 2015 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 2 được cấp ngày 26 tháng 6 năm 2017.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty Taseco Media là kinh doanh dịch vụ quảng cáo, viễn thông. Tập đoàn mua cổ phần của Công ty Taseco Media với mục đích phát triển mảng dịch vụ quảng cáo của Tập đoàn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá đây là một giao dịch hợp nhất kinh doanh của hai công ty dưới sự kiểm soát chung và đã áp dụng phương pháp hợp nhất lợi ích để ghi nhận giao dịch này. Theo đó, cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của Công ty Taseco Media tại ngày nhận chuyển nhượng như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY DƯỚI SỰ KIỂM SOÁT CHUNG (tiếp theo)

Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco ("Taseco Media") (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Giá trị ghi sổ ghi
nhận tại ngày mua

Tài sản	
Tiền	90.525.178
Các khoản phải thu ngắn hạn	83.038.541
Tài sản ngắn hạn khác	1.123.727
Tài sản cố định hữu hình	353.909.765
Tài sản dài hạn khác	80.050.261
	608.647.472
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	35.000.000
Phải trả khác	128.774.986
	163.774.986
Tổng tài sản thuần	444.872.486
Cổ đông không kiểm soát	(444.872)
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán	444.427.614
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	90.525.178
Tiền chi để mua công ty con	(444.427.614)
Tổng tiền thuần đã chi cho nghiệp vụ mua	(353.902.436)

Kể từ ngày mua, Công ty Taseco Media đã phát sinh khoản lỗ với số tiền là 96.707.855 VND giảm trừ vào lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn.

Doanh thu và lỗ trước thuế của Công ty Taseco Media trong năm và trước ngày hợp nhất tương ứng là 88.000.000 VND và 124.517.181 VND.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.081.509.397	5.420.804.831
Tiền gửi ngân hàng	28.420.352.070	35.924.364.072
Tiền đang chuyển	420.563.323	69.117.250
Các khoản tương đương tiền (*)	144.854.288.622	-
TỔNG CỘNG	177.776.713.412	41.414.286.153

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất từ 4,3% tới 5,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	6.431.591.816	4.497.109.514
- Công ty TNHH Đầu tư Bốn Mùa	614.301.447	520.824.540
- Các khoản phải thu khách hàng khác	5.817.290.369	3.976.284.974
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	292.835.806	130.912.134
TỔNG CỘNG	6.724.427.622	4.628.021.648
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	3.181.416.438	1.056.488.995
- Công ty Cổ phần Hợp tác Quốc tế V-S-F Architects	1.377.896.264	-
- Trả trước cho người bán khác	1.803.520.174	1.056.488.995
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	-	28.081.384.016
TỔNG CỘNG	3.181.416.438	29.137.873.011

7. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	-	-	78.641.713.251	-
Lãi cho khoản vốn góp hợp tác kinh doanh (**)	3.965.788.740	-	-	-
Phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	6.616.582.175	-	-	-
Tạm ứng cho nhân viên	2.440.229.596	-	7.566.286.871	-
Phải thu khác	6.204.878.570	-	4.692.787.485	-
TỔNG CỘNG	19.227.479.081	-	90.900.787.607	-

Trong đó:

Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	10.589.396.665	-	84.353.952.418	-
Phải thu khác	8.638.082.416	-	6.546.835.189	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(*) Đây là khoản góp vốn hợp tác đầu tư của Tập đoàn với Công ty Taseco Thăng Long, công ty mẹ của Tập đoàn, vào dự án 1,1 ha tại Đà Nẵng: theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 42/2016/HTKD/TASECO – OCV ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng và Công ty Taseco Thăng Long cùng hợp tác kinh doanh tại lô đất A1.1 thuộc Lô A1.1 Khu Công viên Bắc Tượng Đài, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng do Công ty Taseco Thăng Long làm chủ đầu tư. Trong năm, lô đất A1.1 đã được chuyển nhượng và các bên đã xác định lợi nhuận từ việc hợp tác này. Theo đó, Công ty đã được hoàn khoản hợp tác đầu tư và ghi nhận thu nhập từ việc hợp tác này với số tiền là 22,5 tỷ VND (Thuyết minh số 20.2). Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư phải thu còn lại từ việc hợp tác này là 6,6 tỷ VND.

(**) Đây là khoản lãi tính trên số dư góp vốn hợp tác đầu tư với Taseco Thăng Long như được trình bày ở mục (***) dưới đây.

	Số cuối năm		Đơn vị tính: VND	
	Số đầu năm			
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn				
Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư (***)	150.220.439.740	-	75.220.439.740	-
Phải thu khác	8.538.139.763	-	155.700.000	-
TỔNG CỘNG	158.758.579.503	-	75.376.139.740	-
Trong đó:				
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	155.649.265.379	-	75.220.439.740	-
Phải thu khác	3.109.314.124	-	155.700.000	-

(***) Đây là các khoản góp vốn hợp tác đầu tư của Tập đoàn với Công ty Taseco Thăng Long, công ty mẹ của Tập đoàn, vào dự án Dự án Hạ Long – Quảng Ninh theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 70/2016/HTDT/TASECO – TASECO.NB ngày 26 tháng 12 năm 2016 và Phụ lục hợp đồng số 142/PL-HTDT/TASECO – TASECO.NB ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty và Công ty Taseco Thăng Long cùng hợp tác đầu tư vào một dự án bất động sản do Công ty Taseco Thăng Long làm chủ đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã góp vốn với số tiền là 150,22 tỷ VND.

Cũng theo Phụ lục nêu trên, Công ty Taseco Thăng Long sẽ bị tính lãi nếu chậm khởi công dự án hợp tác đầu tư này. Trong năm, do Công ty Taseco Thăng Long đã chậm khởi công dự án đầu tư, Công ty đã ghi nhận thu nhập từ việc chậm thi công dự án này với số tiền là 3,97 tỷ VND (Thuyết minh số 20.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	37.686.775.143	-	18.289.386.013	-
Nguyên liệu	2.271.352.615	-	2.198.919.545	-
Hàng đang đi trên đường	98.167.770	-	249.573.203	-
Công cụ, dụng cụ	214.521.610	-	191.204.420	-
TỔNG CỘNG	40.270.817.138	-	20.929.083.181	-

Hàng tồn kho của Công ty Taseco Đà Nẵng đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tiền thuê căn hộ trả trước (Thuyết minh số 27)	10.193.370.000	-
Công cụ, dụng cụ	1.749.951.646	527.921.967
Chi phí sửa chữa	637.750.849	520.786.361
Chi phí thuê mặt bằng	1.030.713.973	-
Chi phí bảo hiểm trả trước	556.435.328	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	972.064.857	1.119.238.173
TỔNG CỘNG	15.140.286.653	2.167.946.501
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	8.227.484.945	3.645.885.860
Chi phí sửa chữa	143.328.394	1.189.952.508
Chi phí trả trước dài hạn khác	485.080.189	529.185.804
TỔNG CỘNG	8.855.893.528	5.365.024.172

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Số đầu năm	64.386.472.034	16.411.846.597	879.449.221	21.759.383.705	103.437.151.557
Mua trong năm	-	7.425.117.907	140.138.000	23.777.337.003	31.342.592.910
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	21.759.932.684	-	-	-	21.759.932.684
Tặng do mua công ty con	-	-	-	493.827.568	493.827.568
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(614.898.151)	(614.898.151)
Giảm khác	(273.328.910)	-	-	-	(273.328.910)
Số cuối năm	85.873.075.808	23.836.964.504	1.019.587.221	45.415.650.125	156.145.277.658
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	1.089.327.569	124.600.005	-	-	1.213.927.574
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	5.962.224.857	4.513.391.178	216.157.570	3.960.180.277	14.651.953.882
Khấu hao trong năm	6.044.218.583	3.831.256.922	130.312.331	6.310.823.288	16.316.611.124
Tặng do mua công ty con	-	-	-	139.917.803	139.917.803
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(614.898.151)	(614.898.151)
Giảm khác	(273.328.910)	-	-	-	(273.328.910)
Số cuối năm	11.733.114.530	8.344.648.100	346.469.901	9.796.023.217	30.220.255.748
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	58.424.247.177	11.898.455.419	663.291.651	17.799.203.428	88.785.197.675
Số cuối năm	74.139.961.278	15.492.316.404	673.117.320	35.619.626.908	125.925.021.910
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (*)	48.155.805.196	5.865.731.059	-	21.303.546.232	75.325.082.487

(*) Một số tài sản đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày trong Thuyết minh số 17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị tính: VND			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	7.866.329.588	672.895.000	67.592.000	8.606.816.588
Mua mới	-	200.000.000	-	200.000.000
Số cuối năm	7.866.329.588	872.895.000	67.592.000	8.806.816.588
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	180.474.079	16.898.004	197.372.083
Hao mòn trong năm	-	148.607.358	16.898.004	165.505.362
Số cuối năm	-	329.081.437	33.796.008	362.877.445
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	7.866.329.588	492.420.921	50.693.996	8.409.444.505
Số cuối năm	7.866.329.588	543.813.563	33.795.992	8.443.939.143
<i>Trong đó:</i>				
Tài sản sử dụng để thế chấp (*)	7.866.329.588	-	-	7.866.329.588

(*) Quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày trong Thuyết minh số 17.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	1.300.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết (**)	55.906.875.250	-
TỔNG CỘNG	57.206.875.250	-

(*) Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Trái phiếu được phát hành vào ngày 14 tháng 11 năm 2017, có thời hạn 10 năm và mệnh giá là 10.000.000 VND/trái phiếu. Lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi, có điều chỉnh định kỳ và được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng thêm 1,2%.

(**) Đầu tư vào công ty liên kết

	Tỷ lệ sở hữu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam ("Công ty VinaCS")	26,67%	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(**) Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã nhận chuyển nhượng 6.000.000 cổ phần của Công ty VinaCS với giá chuyển nhượng là 60 tỷ VND từ Công ty Taseco Thăng Long, công ty mẹ của Công ty, theo Nghị quyết số 06B/2017/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 6 năm 2017 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 1 tháng 7 năm 2017 giữa Công ty và Taseco Thăng Long. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty VinaCS là 40% và Công ty VinaCS trở thành công ty liên kết của Công ty.

Ngày 27 tháng 11 năm 2017, Công ty VinaCS đã phát hành thêm 7.500.000 cổ phiếu cho cổ đông mới để tăng vốn cổ phần từ 150 tỷ VND lên 225 tỷ VND theo Nghị quyết số 174/2017/BB-VINACS-HĐQT ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng Quản trị của Công ty VinaCS. Việc tăng vốn này đã được phê duyệt theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107038831 điều chỉnh lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp cho Công ty VinaCS ngày 30 tháng 11 năm 2017. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty VinaCS giảm từ 40% xuống còn 26,67%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

Đơn vị tính: VND

Công ty VinaCS
(theo giá trị tạm thời)

Giá trị đầu tư:

Số đầu năm	-
- Tăng giá trị đầu tư (*)	49.128.334.282
Số cuối năm	49.128.334.282

Lợi thế thương mại:

Số đầu năm	-
- Lợi thế thương mại từ mua công ty liên kết	10.871.665.718
Số cuối năm	10.871.665.718

Phản lỗ lũy kế sau khi mua công ty liên kết:

Số đầu năm	-
- Phản lỗ từ công ty liên kết kể từ ngày mua	(11.161.732.232)
- Ảnh hưởng do giảm tỷ lệ sở hữu trong công ty liên kết	7.068.607.482
Số cuối năm	(4.093.124.750)

Giá trị còn lại

Số đầu năm	-
Số cuối năm	55.906.875.250

(*) Tại ngày nhận chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty liên kết, Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của công ty liên kết và theo đó Công ty đã kế toán khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá trị tạm thời tương đương với giá trị ghi sổ của công ty liên kết tại ngày nhận chuyển nhượng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại và Dịch vụ Châu Thông	4.310.713.003	4.310.713.003	2.297.502.703	2.297.502.703
Công ty TNHH Cá sấu Hoa Cà	4.480.740.882	4.480.740.882	617.552.200	617.552.200
Phải trả cho người bán khác	29.568.371.212	29.568.371.212	18.656.074.399	18.656.074.399
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	4.983.750.340	4.983.750.340	-	-
TỔNG CỘNG	43.343.575.437	43.343.575.437	21.571.129.302	21.571.129.302

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Công ty Cổ phần Truyền thông Sân bay Đà Nẵng	3.084.136.627	-	-	-
Công ty TNHH Kỹ thuật & Khoa học OPPO	1.173.431.400	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.791.666.667	-	-	-
Công ty TNHH MTV Sun Đà Nẵng Travel International	1.651.650.000	-	-	-
Khách hàng khác	4.371.330.344	2.733.676.735	-	-
TỔNG CỘNG	12.072.215.038	2.733.676.735		

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm			
	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thu/khấu trừ trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	77.472.622	35.349.808.174	30.538.364.815	4.888.915.981
TỔNG CỘNG	77.472.622	35.349.808.174	30.538.364.815	4.888.915.981

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND				
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.734.090.405	20.080.525.853	(20.716.164.677)	1.098.451.581
Thuế tiêu thụ đặc biệt	123.063.407	1.545.920.276	(1.543.191.423)	125.792.260
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.379.443.527	32.377.383.218	(31.593.923.765)	7.162.902.980
Thuế thu nhập cá nhân	354.272.142	1.648.815.912	(1.719.646.155)	283.441.899
Các loại thuế khác	6.497.697	138.531.621	(142.663.592)	2.365.726
TỔNG CỘNG	8.597.367.178	55.791.176.880	(55.715.589.612)	8.672.954.446

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	-	381.855.000
Chi phí ăn ca	621.047.250	322.222.500
Chi phí phải trả khác	1.208.884.941	1.068.818.393
TỔNG CỘNG	1.829.932.191	1.772.895.893

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	970.096.571	2.237.502.825
Phải trả bảo hiểm	86.955.940	931.529.785
Nhận đặt cọc ngắn hạn	323.000.000	204.000.000
Phải trả nhân viên	-	171.656.887
Phải trả về nhận vốn góp bằng các khoản đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 27)	-	39.191.289.901
Các khoản phải trả khác	1.446.631.582	932.747.992
TỔNG CỘNG	2.826.684.093	43.668.727.390

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

Thuyết minh	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng	26.915.786.753	26.915.786.753	131.571.622.440	(129.116.882.665)	29.370.526.528	29.370.526.528	
Vay dài hạn đến hạn trả	6.072.400.000	6.072.400.000	12.901.700.000	(8.600.100.000)	10.374.000.000	10.374.000.000	
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 27)	-	-	9.000.000.000	(9.000.000.000)	-	-	
TỔNG CỘNG	32.988.186.753	32.988.186.753	153.473.322.440	(146.716.982.665)	39.744.526.528	39.744.526.528	
Vay dài hạn							
Vay ngân hàng	34.454.200.000	34.454.200.000	13.992.400.000	(27.791.700.000)	20.654.900.000	20.654.900.000	
TỔNG CỘNG	34.454.200.000	34.454.200.000	13.992.400.000	(27.791.700.000)	20.654.900.000	20.654.900.000	

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Ngân hàng	Hợp đồng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	01/2017- HDTDHM/ NHCT480- TASECO	29.370.526.528	Gốc và lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Thanh toán lần cuối vào ngày 25 tháng 4 năm 2018	Lãi suất cho vay xác định theo từng khoản nợ và điều chỉnh lãi vào ngày 25 hàng tháng	+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2015-HĐTC/NHCT480- TASECO ký giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Công ty Taseco Thăng Long. + Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02/2015-HĐTC/NHCT480- TASECO ký giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và ông Đoàn Trung Hiếu. + Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 03/2015/HĐTC/NHCT480-TASECO và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 13 tháng 7 năm 2017 ký giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Công ty Taseco Đà Nẵng; và + Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ luân chuyển số 04/2015-HĐTC/NHCT480-TASECO và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 04/2015- VBSĐBS01/HĐTC/NHCT480-TASECO ngày 13 tháng 7 năm 2017 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Công ty Taseco Đà Nẵng.

TỔNG CỘNG

29.370.526.528

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

<i>Ngân hàng</i>	<i>Hợp đồng số</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long <i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	26/2016- HĐTDDA/NHCT 145-TASECO	1.894.200.000 554.400.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 12 tháng 5 năm 2021	Lãi suất trong năm là 10%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 2,34 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long <i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	76/2016- HĐTDDA/NHCT 145-TASECO	1.590.000.000 798.000.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 16 tháng 12 năm 2019	Lãi suất trong năm là 8,4%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 2,53 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long <i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	14/2017- HĐTDDA/NHCT 145-TASECO	3.190.000.000 1.416.000.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 10 tháng 3 năm 2020	Lãi suất trong năm là 8,7%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 4,84 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long <i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	36/2017- HĐTDDA/NHCT 145-TASECO	1.532.400.000 612.000.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 21 tháng 6 năm 2020	Lãi suất trong năm là 8,8%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 2,19 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long <i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	38/2017- HĐTDDA/NHCT 145-TASECO	2.147.000.000 858.000.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 26 tháng 6 năm 2020	Lãi suất trong năm là 8,8%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 2,74 tỷ VND

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Hợp đồng số</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	48/2017- HĐCVD/NHCT 145-TASECO	2.374.600.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 26 tháng 7 năm 2020	Lãi suất trong năm là 8,8%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 3,35 tỷ VND
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>		919.200.000			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	36/2017- HĐTDDA/NHCT1 45-TASECO	1.575.400.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 20 tháng 6 năm 2020	Lãi suất trong năm là 8,8%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 2,23 tỷ VND
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>		631.200.000			

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17.	VAY (tiếp theo)					
17.2	Các khoản vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)					
	Ngân hàng	Hợp đồng số	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	260/2015/VCB – KHDN	16.080.000.000	Gốc vay được trả hàng quý, trong vòng 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi vay được trả vào ngày 26 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 8 tháng 8 năm 2024	Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất năm 2017 là: 9,3%/năm.	Quyền vốn góp của Công ty vào Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng và tài sản hình thành từ vốn vay công trình xây dựng gồm tầng hầm, tầng 1, 2, 22, 23 của Khách Sạn Oceanview Đà Nẵng
	Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả		4.440.000.000			
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	0195/KHBL/17 TH	645.300.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 26 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 26 tháng 5 năm 2022	Lãi suất trong năm là 7,7%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với giá trị còn lại 1,08 tỷ VND
	Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả		145.200.000			
	TỔNG CỘNG		31.028.900.000			
	Trong đó:					
	Vay dài hạn đến hạn trả		10.374.000.000			
	Vay dài hạn		20.654.900.000			

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Lợi ích thuộc về các cổ đông của Công ty mẹ		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
	Vốn cổ phần đã phát hành	Lợi nhuận chưa phân phối		
Năm trước				
Số đầu năm	27.126.277.100	99.944.279	-	27.226.221.379
- Tăng vốn	133.353.722.900	-	25.836.393	133.379.559.293
- Lợi nhuận trong năm	-	43.846.210.025	(202.000.932)	43.644.209.093
- Trích các quỹ	-	(868.938.945)	-	(868.938.945)
- Chia lợi nhuận (iii)	-	(1.637.502.825)	-	(1.637.502.825)
- Giảm khác	-	(1.000.000)	-	(1.000.000)
Số cuối năm	160.480.000.000	41.438.712.534	(176.164.539)	201.742.547.995
Năm nay				
Số đầu năm	160.480.000.000	41.438.712.534	(176.164.539)	201.742.547.995
- Tăng vốn (i)	199.520.000.000	-	4.500.000.000	204.020.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	147.350.096.179	788.777.981	148.138.874.160
- Tăng/(giảm) do mua và thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	5.573.415	(1.005.128.543)	(999.555.128)
- Cổ tức trong năm (ii)	-	(80.240.000.000)	(34.560.000)	(80.274.560.000)
- Chia lợi nhuận (iii)	-	(1.948.129.058)	-	(1.948.129.058)
- Trích quỹ khen thưởng (iv)	-	(577.227.043)	-	(577.227.043)
- Giảm khác	-	(780.000.000)	(5.836.393)	(785.836.393)
Số cuối năm	360.000.000.000	105.249.026.027	4.067.088.506	469.316.114.533

(i) Theo Biên bản số 04/2017/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 2 tháng 6 năm 2017, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành thêm 20.060.000 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ 160,48 tỷ VND lên 361,08 tỷ VND. Theo Biên bản họp số 07/2017/BB-HĐQT và Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc không chào bán số cổ phần mà cổ đông hiện hữu được phân phối nhưng không thực hiện quyền mua (108.000 cổ phần) và kết thúc đợt chào bán với số lượng cổ phần đã chào bán thành công là 19.952.000 cổ phần.

(ii) Theo Nghị quyết số 02/2017/ĐHĐCĐ-NQ ngày 11 tháng 4 năm 2017 và Biên bản họp số 02/2017/ĐHĐCĐ-BB ngày 11 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt việc chia cổ tức bằng tiền cho năm 2016 và theo nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/2017/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 4 năm 2017 phê duyệt tạm ứng cổ tức bằng tiền Quý I năm 2017 với tổng số tiền là 80,24 tỷ VND. Số cổ tức đã được thanh toán cho các cổ đông hiện hữu trong kỳ là 80,24 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (iii) Đây là khoản lợi nhuận chia theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.
- (iv) Theo Quyết định số 01/QĐ-HĐQT-TASECO.NB ngày 23 tháng 1 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt việc trích quỹ khen thưởng cho Ban Điều hành Công ty năm 2016 tương ứng với số tiền là 577.227.043 VND. Quỹ khen thưởng này đã được thanh toán cho Ban Điều hành Công ty trong năm.

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Taseco Thăng Long	216.000.000.000	216.000.000.000	-	160.450.000.000	160.450.000.000	-
Cổ đông khác	144.000.000.000	144.000.000.000	-	30.000.000	30.000.000	-
TỔNG CỘNG	360.000.000.000	360.000.000.000	-	160.480.000.000	160.480.000.000	-

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu	360.000.000.000	160.480.000.000
Số đầu năm	160.480.000.000	27.126.277.100
Vốn góp trong năm	199.520.000.000	133.353.722.900
Trong đó:		
Bằng tiền	199.520.000.000	2.776.098.900
Bằng chi phí	-	97.624.000
Bằng các khoản đầu tư vào công ty con	-	130.480.000.000
Số cuối năm	360.000.000.000	160.480.000.000
Cổ tức đã chia	80.240.000.000	-

18.4 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức cho năm 2016: 2.500 VND/cổ phiếu	40.120.000.000	-
Tạm ứng cổ tức cho năm 2017: 2.500 VND/cổ phiếu	40.120.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.5 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đăng ký phát hành	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 10.000 VND/cổ phiếu).

19. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Đơn vị tính: VND			
	Taseco Đà Nẵng	Taseco Media	Taseco Sài Gòn	Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Vốn đã góp	20.000.000	15.000.000	3.500.000.000	3.535.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	71.879.440	(14.651.836)	509.420.902	566.648.506
Cổ tức đã chia lũy kế	(34.560.000)	-	-	(34.560.000)
	57.319.440	348.164	4.009.420.902	4.067.088.506
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Phần lợi nhuận/(lỗ) sau khi mua cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	46.109.474	(96.708)	742.765.215	788.777.981
	46.109.474	(96.708)	742.765.215	788.777.981

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	659.026.353.204	316.889.542.561
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	348.135.601.890	189.478.896.593
Doanh thu cung cấp dịch vụ	310.890.751.314	127.410.645.968
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	659.026.353.204	316.889.542.561
Trong đó:		
Doanh thu thuần từ bán hàng	348.135.601.890	189.478.896.593
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	310.890.751.314	127.410.645.968
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan	4.643.085.469	7.205.666.988
Doanh thu với các bên khác	654.383.267.735	309.683.875.573

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận được chia (*)	22.500.209.092	-
Lãi do giảm tỷ lệ sở hữu trong công ty liên kết	7.068.607.482	-
Lãi cho khoản vốn góp hợp tác kinh doanh (**)	3.965.788.740	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.822.360.210	3.852.935.731
Lãi chênh lệch tỷ giá	968.020.829	306.465.703
Khác	2.390.908	14.474.200
TỔNG CỘNG	37.327.377.261	4.173.875.634

(*) Đây là khoản thu nhập ghi nhận từ việc hợp tác đầu tư của Tập đoàn với Công ty Taseco Thăng Long, công ty mẹ của Tập đoàn, vào dự án 1,1 ha tại Đà Nẵng theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 42/2016/HTKD/TASECO – OCV ngày 30 tháng 6 năm 2016.

(**) Đây là khoản lãi tính trên số dư góp vốn do Taseco Thăng Long chậm khởi công dự án hợp tác đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 70/2016/HTDT/TASECO – TASECO.NB ngày 26 tháng 12 năm 2016 và Phụ lục hợp đồng số 142/PL - HTDT/TASECO – TASECO.NB ngày 30 tháng 9 năm 2017.

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	146.129.751.607	94.285.320.226
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	164.770.773.112	54.161.972.098
TỔNG CỘNG	310.900.524.719	148.447.292.324

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.845.444.988	2.521.436.580
Lỗ chênh lệch tỷ giá	436.559.450	17.948.637
TỔNG CỘNG	6.282.004.438	2.539.385.217

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	54.187.699.765	31.733.321.853
Chi phí thuê kho, mặt bằng	36.987.567.541	19.890.816.462
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.809.506.060	17.027.058.757
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.346.173.729	7.000.550.395
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.662.627.243	2.191.363.352
Chi phí khác	1.661.550.272	155.362.860
TỔNG CỘNG	126.655.124.610	77.998.473.679

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	36.110.112.896	17.627.635.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.779.966.503	13.017.512.122
Chi phí thuê kho, mặt bằng	2.718.136.027	1.487.491.891
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.653.885.103	690.970.961
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.634.997.020	615.607.144
Chi phí tư vấn và phí bản quyền	705.000.000	4.500.000.000
Chi phí khác	3.119.960.329	1.111.773.903
TỔNG CỘNG	63.722.057.878	39.050.991.156

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.227.272.726	-
Hỗ trợ bán hàng và trưng bày sản phẩm	-	1.440.000.000
Thu nhập từ khuyến mại sim chủ	1.384.140.130	376.686.935
Khác	522.907.707	546.230.551
	3.134.320.563	2.362.917.486
Chi phí khác		
Chi phí khác	250.349.773	508.583.190
	250.349.773	508.583.190
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	2.883.970.790	1.854.334.296

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	195.473.071.793	120.053.451.436
Chi phí nhân công	130.409.438.659	64.839.595.379
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.482.116.486	7.249.117.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	106.264.744.015	40.441.900.641
Chi phí thuê mặt bằng cho dịch vụ quảng cáo, bán hàng	48.572.162.884	24.042.066.462
Chi phí khác	4.076.173.370	8.870.625.521
TỔNG CỘNG	501.277.707.207	265.496.757.159

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.377.383.218	11.237.401.022
TỔNG CỘNG	32.377.383.218	11.237.401.022

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	180.516.257.378	54.881.610.115
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty và các công ty con	36.103.251.476	10.976.322.023
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí không được trừ thuế khác	37.438.549	261.078.999
Khoản lỗ từ công ty liên kết	2.232.346.446	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(4.500.041.818)	-
Ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh hợp nhất	(1.413.721.496)	-
Thuế hoãn lại chưa ghi nhận cho lỗ năm trước chuyển sang	(101.231.510)	-
Thuế hoãn lại chưa ghi nhận cho lỗ thuần chưa ghi nhận	19.341.571	-
Chi phí thuế TNDN	32.377.383.218	11.237.401.022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

26.3 Lỗi chuyển sang từ năm trước

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế với giá trị là 96.707.855 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND					
Năm phát sinh (*)	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2017	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
2016	2021	506.157.552	(506.157.552)	-	-
2017	2022	96.707.855	-	-	96.707.855
TỔNG CỘNG		602.865.407	(506.157.552)	-	96.707.855

(*) Lỗ tính thuế ước tính của các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty và các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ nêu trên do không thể dự tính lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các khoản đảm bảo, bảo lãnh của các bên liên quan như trình bày trong Thuyết minh số 17, những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

			Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Cho vay	139.500.000.000	81.585.809.263
		Thu hồi cho vay	139.500.000.000	101.774.316.277
		Doanh thu từ lãi vay	1.420.354.168	3.820.861.576
		Góp vốn	199.490.000.000	133.323.722.900
		Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	78.641.713.251	-
		Cổ tức đã trả	80.225.000.000	-
		Góp vốn hợp tác đầu tư	75.000.000.000	75.220.439.740
		Lãi phải thu từ dự án Hạ Long – Quảng Ninh	3.965.788.740	-
		Lãi phải thu từ hợp tác đầu tư tại Đà Nẵng	22.500.209.092	-
		Lãi đã nhận từ hợp tác đầu tư	15.883.626.917	-
		Nhận chuyển nhượng cổ phần VinaCS	60.000.000.000	-
		Nhận chuyển nhượng cổ phần Taseco Media	444.427.614	-
		Thanh toán lợi nhuận, các quỹ chưa phân phối của Taseco Đà Nẵng và Taseco Oceanview Đà Nẵng	39.191.289.901	-
		Phải trả liên quan đến giao dịch góp vốn bằng khoản đầu tư vào Taseco Đà Nẵng và Taseco Oceanview Đà Nẵng	-	39.191.289.901
		Chi phí thuê căn hộ	36.893.030.000	8.909.700.000
		Thanh toán tiền thuê căn hộ	21.500.000.000	12.000.000.000
		Đi vay	9.000.000.000	-
		Trả tiền gốc vay	9.000.000.000	-
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.822.558.180	6.175.013.878
		Doanh thu, thu nhập từ hỗ trợ bán hàng và trưng bày sản phẩm	1.440.000.000	1.440.000.000
		Chi phí thuê mặt bằng	3.150.072.451	-
		Thanh toán tiền thuê mặt bằng, tiền điện	3.220.918.228	-
		Đặt cọc thuê mặt bằng	650.928.969	-
		Phí tư vấn và nhượng quyền kinh doanh	-	7.500.000.000
VinaCS	Công ty liên kết	Cho vay	20.000.000.000	-
		Thu hồi cho vay	20.000.000.000	-
Ông Nguyễn Minh Hải	Tổng Giám đốc Công ty mẹ	Lãi vay phải thu	369.991.438	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	213.000.000	-
		Góp vốn vào Taseco Sài Gòn	3.000.000.000	-
		Nhận chuyển nhượng cổ phần Taseco Sài Gòn	1.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoài các khoản đảm bảo, bảo lãnh của các bên liên quan như trình bày trong Thuyết minh số 17, những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm (tiếp theo):

			Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	69.850.002	344.315.003
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty trong cùng tập đoàn	Chi phí thuê mặt bằng Đặt cọc thuê mặt bằng	3.578.132.812 1.117.960.000	- -
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn	Phí thuê mặt bằng Đặt cọc thuê mặt bằng	15.590.045.799 3.659.936.670	- -
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Taseco	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	326.936.361	-
Công ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	543.170.911	635.654.925
Bà Trần Thị Loan	Cổ đông	Góp vốn vào Taseco Sài Gòn	1.500.000.000	-
Các bên liên quan khác	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	440.570.015	50.683.182

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo hợp đồng, thỏa thuận giữa các bên.

Ngoài các khoản phải thu về hợp tác đầu tư như được trình bày tại Thuyết minh số 7, số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (năm 2016: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của các bên liên quan và thị trường mà các bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty TNHH Hàng miễn thuế Jalux Taseco	Công ty trong cùng Tập đoàn Taseco Thăng Long	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	9.601.000	4.245.000
Công ty Taseco Media	Công ty con	Doanh thu bán hàng	-	107.607.134
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Quốc Tế	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	4.634.006	-
Công ty Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	277.225.000	19.060.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	1.375.800	-
			292.835.806	130.912.134
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)				
Công ty Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Trả trước tiền thuê căn hộ	-	28.081.384.016
			-	28.081.384.016
Phải thu khác (Thuyết minh số 7)				
Ngắn hạn				
Công ty Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Chi hộ	6.525.750	-
		Lãi phải thu từ dự án Hạ Long – Quảng Ninh	3.965.788.740	-
		Lãi phải thu từ hợp tác đầu tư tại Đà Nẵng	6.616.582.175	-
		Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	78.641.713.251
		Phải thu khác	500.000	220.063.636
Các cá nhân liên quan khác	Cá nhân liên quan	Tạm ứng	-	5.492.175.531
			10.589.396.665	84.353.952.418

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan *Mối quan hệ* *Nội dung nghiệp vụ* *Số cuối năm* *Số đầu năm*
Phải thu khác (Thuyết minh số 7) (tiếp theo)

Dài hạn

Công ty Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư	150.220.439.740	150.220.439.740
		Đặt cọc thuê mặt bằng	650.928.969	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn	Đặt cọc thuê mặt bằng và thực hiện dịch vụ	1.117.960.000	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn	Đặt cọc thuê mặt bằng	3.659.936.670	-
			155.649.265.379	75.220.439.740

Chi phí trả trước ngắn hạn (Thuyết minh số 9)

Công ty Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Chi phí thuê căn hộ trả trước	10.193.370.000	-
			10.193.370.000	-

Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)

Công ty Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Chi phí thuê khách sạn	2.213.655.984	-
		Chi phí thuê quầy và nhượng quyền	249.052.286	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn	Chi phí thuê mặt bằng	2.519.983.870	
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn	Tiền điện phải trả	1.058.200	
			4.983.750.340	-

Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 16)

Công ty Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Nhận góp vốn bằng các khoản đầu tư vào các công ty con	-	39.191.289.901
			-	39.191.289.901

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	1.271.780.000	1.253.560.000
Thu nhập khác	108.120.000	112.350.000
TỔNG CỘNG	1.379.900.000	1.365.910.000

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	147.350.096.179	43.846.210.025
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(217.234.736)
Phải trả cho bên hợp tác kinh doanh (**)	(1.948.129.058)	(1.637.502.825)
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	145.401.967.121	41.991.472.464
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	25.895.693	7.153.095
<i>Ảnh hưởng suy giảm</i>	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	25.895.693	7.153.095
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.615	5.870
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.615	5.870

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận của năm 2016 theo Quyết định của Hội đồng Quản trị năm 2017 của Công ty và các công ty con.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được điều chỉnh cho khoản quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Công ty và các công ty con để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế.

(**) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu được điều chỉnh cho khoản phải trả cho bên hợp tác kinh doanh theo quy định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh của Taseco Đà Nẵng với đối tác.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận kinh doanh bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong nhà ga và cảng hàng không.

Bộ phận kinh doanh nhà hàng, khách sạn kinh doanh dịch vụ khách sạn và các dịch vụ liên quan khác.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong nhà ga và cảng hàng không	Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn	Loại trừ	Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	467.566.541.478	191.459.811.726	-	659.026.353.204
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	523.248.022	404.095.960	(927.343.982)	-
Tổng doanh thu	468.089.789.500	191.863.907.686	-	659.953.697.186
Kết quả				
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	167.006.104.846	81.128.717.282	(67.618.564.750)	180.516.257.378
Lợi nhuận thuần trước thuế	167.006.104.846	81.128.717.282	(67.618.564.750)	180.516.257.378
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(20.651.681.582)	(11.725.701.636)	-	(32.377.383.218)
Lợi nhuận thuần sau thuế	146.354.423.264	69.403.015.646	(67.618.564.750)	148.138.874.160
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	618.232.622.596	183.406.215.242	(175.172.752.126)	626.466.085.712
Tổng tài sản	618.232.622.596	183.406.215.242	-	801.638.837.838
Công nợ bộ phận	161.243.841.714	35.061.329.227	(39.155.199.762)	157.149.971.179
Tổng công nợ	161.243.841.714	35.061.329.227	-	196.305.170.941
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí hình thành tài sản cố định				
Tài sản cố định hữu hình	31.158.536.910	184.056.000	-	31.342.592.910
Tài sản cố định vô hình	200.000.000	-	-	200.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30.000.000	-	-	30.000.000
Khấu hao	11.251.934.840	5.230.181.646	-	16.482.116.486

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

	Bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong nhà ga và cảng hàng không	Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn	Loại trừ	Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	280.802.493.569	36.087.048.992	-	316.889.542.561
Doanh thu bán hàng cho các bộ phận	14.310.909	61.097.645	(75.408.554)	-
Tổng doanh thu	280.816.804.478	36.148.146.637	-	316.964.951.115
Kết quả				
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	50.118.098.472	4.763.511.643	-	54.881.610.115
Lợi nhuận thuần trước thuế	50.118.098.472	4.763.511.643	-	54.881.610.115
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(10.284.698.694)	(952.702.328)	-	(11.237.401.022)
Lợi nhuận thuần sau thuế	39.833.399.778	3.810.809.315	-	43.644.209.093
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	393.310.665.134	192.875.227.133	(218.181.168.134)	368.004.724.133
Tổng tài sản	393.310.665.134	192.875.227.133	-	586.185.892.267
Công nợ bộ phận	163.199.430.497	51.572.623.874	(48.509.878.233)	166.262.176.138
Tổng công nợ	163.199.430.497	51.572.623.874	-	214.772.054.371
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí hình thành tài sản cố định				
Tài sản cố định hữu hình	1.717.678.732	33.450.000	-	1.751.128.732
Khấu hao	5.945.447.089	1.303.670.631	-	7.249.117.720

30. CÁC CAM KẾT

Thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê sau:

- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Nhà ga T1 và T2 – Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài với Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2019;
- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng với Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn đến ngày 31 tháng 8 năm 2019;
- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Cảng Hàng không Quốc tế Phú Bài với Cảng Hàng không Quốc tế Phú Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn đến ngày 31 tháng 3 năm 2019;
- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Cảng Hàng không Quốc tế Sài Gòn với Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Thăng Long với thời hạn đến ngày 11 tháng 1 năm 2020;
- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Cảng Hàng không Quốc tế Phú Quốc với Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Thăng Long với thời hạn đến ngày 10 tháng 4 năm 2019;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

- ▶ Hợp đồng cung cấp mặt bằng và các dịch vụ liên quan tại Nhà ga hành khách quốc tế - Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng với Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng với thời hạn đến ngày 13 tháng 3 năm 2022;
- ▶ Hợp đồng thuê các phòng khách sạn thuộc Khách sạn Á La Carte Đà Nẵng với Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Thăng Long với thời hạn đến ngày 30 tháng 9 năm 2020; và
- ▶ Một số hợp đồng thuê hoạt động khác.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	67.619.292.963	21.211.268.040
Trên 1 – 5 năm	144.595.970.700	27.318.284.251
TỔNG CỘNG	212.215.263.663	48.529.552.291

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

		
Phạm Trí Hoàng Người lập	Đào Ngọc Thiết Kế toán trưởng	Lê Anh Quốc Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2018

